

Bản án số: 10/2023/HS-PT
Ngày 16 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long, ông Cầm Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tùng Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 16 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo Hoàng Thị T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo Hoàng Thị T, Quàng Thị P, Hoàng Thị Q và Nguyễn Thanh H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2022/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hoàng Thị T, sinh năm 1987 tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKNKTT: Bản Sộp Sạng, xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn W (đã chết) và bà Lò Thị U; bị cáo có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 37-QĐ/UBKTHU ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Yên Châu; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/7/2021 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Quàng Thị P, sinh năm 1983 tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKT: Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Nhân viên thú y; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quàng Văn D và bà Hoàng Thị C; bị cáo có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 22-QĐ/UBKTHU ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Yên

Châu; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/9/2021 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Thị Q, sinh năm 1986 tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKNKTT: Bản Phát, xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn N và bà Lò Thị M; bị cáo có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi cư trú từ ngày 29/11/2022 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982 tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKNKTT: Bản Phát, xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Đỗ Thị V; bị cáo có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19 tháng 02 năm 2014 Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/8/2021 đến ngày 08/01/2022 được cho tại ngoại. Hiện bị can đang bị áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 05/12/2022 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra còn có bị cáo Lữ Văn B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

- *Bị hại*: Bà Ngô Thị G, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh H*: Ông Bùi Việt A, có mặt; ông Đoàn Văn R, vắng mặt – Luật sư của Văn phòng luật sư quốc tế Bình An, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La nhận được đơn trình báo của ông Hoàng Văn X với nội dung: Tháng 4/2020 ông Hoàng Văn X có nhờ Lữ Văn B làm thủ tục vay tiền với Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt và có đưa bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 391833 mang tên Hoàng Văn X và 5.000.000 đồng theo yêu cầu của ông B. Tuy nhiên, Lữ Văn B không vay được tiền cho gia đình Hoàng Văn X nhưng không trả lại số tiền 5.000.000 đồng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thế chấp vay tiền tại hiệu cầm đồ Châu G, địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn Yên Châu,

huyện Yên Châu, rồi sử dụng số tiền vay vào mục đích cá nhân. Hoàng Văn X đề nghị Công an huyện Yên Châu xác minh, điều tra làm rõ.

Ngày 12/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Châu tiếp tục nhận được đơn của bà Ngô Thị G với nội dung: Tổ cáo Lữ Văn B, Hoàng Thị H2, Hoàng Thị T, Quàng Thị P, Hoàng Thị Tiên và Nguyễn Thanh H có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật, sử dụng giấy tờ giả lừa đảo chiếm đoạt tài sản tổng số tiền là 428.000.000 đồng của bà Ngô Thị G. Đề nghị Công an huyện Yên Châu xác minh, điều tra làm rõ và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Châu một số tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Ngày 21/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Châu ra Quyết định số 71, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Sơn La giám định: chữ kí, chữ viết và hình dấu trên 01 giấy ủy quyền giữa bên ủy quyền ghi tên Hoàng Văn X và bên được ủy quyền ghi tên Hoàng Thị T và 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 20/7/2020 giữa bên chuyển nhượng là Hoàng Văn X và bên nhận chuyển nhượng là Hoàng Thị T.

Kết luận giám định số 1308 ngày 22/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận:

- Chữ viết phần nội dung từ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” đến “Bên A...Bên B” trên mẫu giám định ký hiệu A2 so với chữ viết trên mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết có nội dung “Giấy mua bán. Hoàng Thị T đã được Bỏ chuyển nhượng Bìa đất cho Tôi sử dụng Bìa này để Bán cho Bà Ngô Thị G TK4 TT Yên Châu 400.000.000 Bốn trăm triệu đồng chẵn” dưới mục “Bên A” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký mang tên “Trần T. Hà” dưới mục “Xác nhận của UBND xã” được đóng dấu đỏ trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 và chữ ký mang tên “Trần Thị Hà” dưới mục “XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN”, được đóng dấu đỏ trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Trần Thị Hà trên các mẫu so sánh ký hiệu M5, M6, M7, M8, M9, M10 không phải do cùng một người viết ra.

- Hình dấu có nội dung “U.B.N.D XÃ H.YÊN CHÂU T. SƠN LA” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với hình dấu có nội dung “U.B.N.D XÃ CHIỀNG PẮN H.YÊN CHÂU T. SƠN LA” trên các mẫu so sánh ký hiệu M6, M7, M8, M9, M10 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Ngày 04/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Châu ra Quyết định số 75, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Sơn La

giám định: chữ kí, chữ viết và hình dấu trên 01 giấy biên nhận vay tiền, đề ngày 28/6/2020 giữa Hoàng Thị T và Ngô Thị G; 01 giấy biên nhận vay tiền, đề ngày 28/6/2020 giữa Hoàng Văn X và Ngô Thị G; 01 giấy xác nhận mang tên Hoàng Thị Hương, đề ngày 20/7/2020.

Kết luận giám định số 1384 ngày 09/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận:

- Chữ viết, chữ ký mang tên "Nguyễn Thanh H" dưới mục "NGƯỜI VAY" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thanh H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4 là do cùng một người viết, ký ra.

- Chữ viết, chữ ký mang tên "Hoàng Thị T" dưới mục "NGƯỜI VAY" và chữ viết ghi ở phần nội dung trừ chữ viết có nội dung "Theo thỏa thuận" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết, chữ ký của Hoàng Thị T trên các mẫu so sánh ký hiệu M8, M9 là do cùng một người viết, ký ra.

- Chữ viết "X Hoàng Văn X" dưới mục "NGƯỜI VAY" và chữ viết ghi ở phần nội dung trừ chữ viết bằng mực đen trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết của Lữ Văn B trên các mẫu so sánh ký hiệu M5, M6 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết ở phần nội dung trừ chữ viết bằng mực đen trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ viết của Quảng Thị P trên mẫu so sánh ký hiệu M7 là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký mang tên Lưu Thị Châu trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký mang tên Lưu Thị Châu trên các mẫu so sánh ký hiệu M10, M11, M12, M13, M14, M15 là do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU - TỈNH SƠN LA TRƯỜNG TIỂU HỌC TRUNG HỌC CƠ SỞ YÊN SƠN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu M10, M11, M12, M13, M14, M15 là do cùng một con dấu đóng ra.

Ngày 04/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Châu ra Quyết định số 76, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Sơn La giám định: Hình dấu trên 01 giấy ủy quyền giữa bên ủy quyền ghi tên Hoàng Văn X và bên được ủy quyền ghi tên Hoàng Thị T và 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 20/7/2020 giữa bên chuyển nhượng là Hoàng Văn X và bên nhận chuyển nhượng là Hoàng Thị T.

Kết luận giám định số 1385 ngày 09/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: Hình dấu tròn có nội dung: "U.B.N.D XÃ H.

YÊN CHÂU T.SƠN LA" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với hình con dấu có nội dung "U.B.N.D XÃ SẮP VẬT H.YÊN CHÂU T.SƠN LA" trên mẫu so sánh ký hiệu M11 là do cùng một con dấu đóng ra.

Ngày 25/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Châu tiến hành cho Ngô Thị G nhận dạng người qua ảnh để xác định Hoàng Thị H2, sinh năm 1993, trú tại: Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu. Kết quả nhận dạng qua ảnh: Ngô Thị G nhận ra Hoàng Thị H2 là người đã dùng thủ đoạn tự mạo nhận là Hoàng Thị Hương làm giáo viên công tác tại trường TH- THCS Yên Sơn và cung cấp giấy xác nhận của nhà trường để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ngô Thị G.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lữ Văn B, Hoàng Thị T, Quàng Thị P, Hoàng Thị Tiên, Nguyễn Thanh H khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Tháng 4/2020 ông Hoàng Văn X có nhờ Lữ Văn B làm thủ tục vay tiền với Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt và có đưa bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 391833 mang tên Hoàng Văn X, 01 bản photo Giấy chứng minh nhân dân số: 050487304 mang tên Hoàng Văn X và sổ hộ khẩu của gia đình theo yêu cầu của B. Tuy nhiên, sau khi thẩm định hồ sơ vay tiền, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Sơn La trả lời do ông X có nợ xấu với Ngân hàng nên không cho vay.

Lữ Văn B đã không trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X mà giữ lại. Đến ngày 27/6/2020, B mang bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 391833 cùng 01 bản photo Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn X đến hiệu cầm đồ của gia đình bà Ngô Thị G để vay tiền. Tại nhà bà G, B tự giới thiệu bản thân là Hoàng Văn X, đồng thời đưa bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 bản photo Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn X cho Ngô Thị G xem rồi làm thủ tục vay của bà G số tiền 50.000.000 đồng với danh nghĩa người vay là Hoàng Văn X. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 391833 mang tên Hoàng Văn X. Số tiền vay được của bà G thì B mang về nhà cho Lê Thị Xuân vay 10.000.000 đồng, cho Quàng Thị P vay 20.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng B chi tiêu cá nhân.

Sau khi biết được thông tin Lữ Văn B sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 391833 của Hoàng Văn X để thế chấp vay được 50.000.000 đồng của bà G, T đã cùng với Hoàng Thị H2, Hoàng Thị Tiên, Quàng Thị P cùng nhau bàn bạc tìm cách lừa vay tiền của bà G. Các bị cáo đã chuẩn bị tài liệu giả mạo gồm: Giấy ủy quyền, Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa Hoàng Văn X với Hoàng Thị T, giấy xác nhận của đơn vị công tác của T, Hương (H2) theo yêu cầu của bà G.

Dù không quen biết Lữ Văn B, Hoàng Văn X và Ngô Thị G nhưng T đã gọi điện thoại cho Hoàng Thị H2 biết để H2 tìm cách vay tiền của bà Ngô Thị G. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H2 gọi điện lại cho T qua ứng dụng mạng xã hội Zalo nói bà G đồng ý cho T vay tiền vì H2 đưa ra thông tin gian dối T là con gái của Hoàng Văn X và dặn T khi đến vay tiền thì nói dối như vậy, T đồng ý. Sau đó T và H2 đến gặp bà G, bà G hỏi T có phải con gái ông X không? T trả lời mình là con gái ông X, muốn vay 150.000.000 đồng và thế chấp bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 391833 mang tên ông Hoàng Văn X, bà G đồng ý và yêu cầu T phải có Giấy ủy quyền và Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa Hoàng Văn X với T đối với thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, đồng thời T phải cung cấp thêm Giấy xác nhận của đơn vị công tác, khi làm giấy tờ phải có mặt hai vợ chồng T. Sau khi nghe bà G nói như vậy, T và H2 đến nhà bà Hà Thị Hôm tại Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu thì gặp Quàng Thị P và Hoàng Thị Tiên ở đây rồi cùng nhau bàn bạc phân công nhiệm vụ làm giả các giấy tờ do bà G yêu cầu và đưa ra thông tin gian dối rằng H sẽ giả làm chồng của T để đi vay tiền của bà G.

Đối với nguồn gốc Giấy xác nhận của đơn vị công tác: Bà Lưu Thị Châu được phân công giữ chức vụ Hiệu trưởng trường TH-THCS Yên Sơn, huyện Yên Châu, Hoàng Thị T là viên chức kế toán của trường. Khoảng tháng 5/2020, sau khi bà Châu ký duyệt vào tờ trình xin kinh phí (nộp tại Phòng giáo dục và đào tạo huyện Yên Châu) T đề nghị bà Châu ký tên và đóng dấu của trường TH-THCS Yên Sơn thêm vào góc dưới bên phải của 02 tờ giấy A4 trắng, đề phòng các tài liệu khi nộp tại Phòng giáo dục sẽ bị chỉnh sửa thì không phải về trường xin xác nhận lại, bà Châu đồng ý. Tuy nhiên, quá trình nộp tài liệu T không cần sử dụng 02 tờ giấy A4 có chữ ký và dấu nhưng không hủy đi mà lưu lại dùng khi cần. Sau khi Ngô Thị G yêu cầu phải có giấy xác nhận của đơn vị công tác thì T đưa cho Hoàng Thị Tiên 02 tờ giấy A4 trắng có chữ ký và dấu kẻ trên nhờ Quàng Thị P viết giấy xác nhận nội dung T công tác tại trường TH-THCS Yên Sơn để vay số tiền 200.000.000 đồng của Ngô Thị G.

Sau khi Quàng Thị P viết xong Hợp đồng chuyển nhượng, Hoàng Thị H2 mang Giấy ủy quyền và Hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất đến nhà bà Lê Thị Xuân để bà Xuân nhờ Lò Thị Trang là cán bộ văn thư của UBND xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu xin xác nhận và đóng dấu của UBND xã Chiềng Păn, do nội dung không đúng sự thật, nên anh Đào Xuân Hiếu (Phó chủ tịch UBND xã Chiềng Păn) không ký xác nhận nên Trang đã mang về trả cho bà Xuân.

Buổi trưa ngày 28/6/2020, Hoàng Thị H2 đã mang Giấy ủy quyền, Giấy xác nhận và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đến nhà đưa cho Hoàng Thị Tiên và nói Tiên là đưa giấy tờ đó cho T. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T đến nhà Tiên lấy Giấy ủy quyền, Hợp đồng chuyển nhượng

và Giấy xác nhận đã làm giả để vay tiền. Hoàng Thị Tiền đã nói với Nguyễn Thanh H (chồng của Tiền) đi cùng T và dặn khi làm thủ tục vay tiền, T sẽ giới thiệu H là chồng của T để ký giấy vay tiền với bà Ngô Thị G, H đồng ý.

Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, tại nhà Ngô Thị G, khi được G hỏi thì T giới thiệu H là chồng mình đồng thời T đưa Giấy ủy quyền, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và Giấy xác nhận của Trường TH-THCS Yên Sơn đã được làm giả cho bà G, cùng với sự có mặt của H, T đề nghị bà G cho vay số tiền 200.000.000 đồng, G xem giấy tờ nên tin tưởng và đồng ý cho T vay tiền trong thời hạn 02 tháng từ ngày 28/6/2020 đến ngày 28/8/2020. Sau khi giao nhận tiền, T trả cho bà G số tiền lãi thời hạn hai tháng là 12.000.000 đồng rồi cầm số tiền còn lại là 188.000.000 đồng về. T mang toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt được rồi gọi H2 đến nhà Tiền tại bản Phát, xã Chiềng Pằn để chia nhau, T và H2 mỗi người nhận số tiền 62.600.000 đồng, Tiền nhận số tiền 62.800.000 đồng.

Khoảng giữa tháng 7/2020, Hoàng Thị H2 liên lạc với bà G và cung cấp thông tin gian dối rằng bản thân tên là Hoàng Thị Hương, em gái của T và hiện đang cùng công tác tại Trường TH-THCS Yên Sơn. H2 đề nghị bà G cho vay số tiền 150.000.000 đồng thế chấp bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 391833 mang tên Hoàng Văn X, bà G đồng ý và yêu cầu H2 phải có Giấy xác nhận của đơn vị công tác, khi đến vay tiền phải có mặt Hoàng Thị T. Sau đó H2 hẹn T và Tiền đến nhà bà Hôm ở Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu để bàn bạc. Tại nhà bà Hôm, H2 nói việc cung cấp thông tin sai sự thật để lừa vay số tiền 150.000.000 đồng của bà G nhưng bà G yêu cầu phải có Giấy xác nhận của Trường TH-THCS Yên Sơn và khi đến vay tiền phải có Hoàng Thị T đi cùng. Về Giấy xác nhận của Trường TH-THCS Yên Sơn, do trước đó còn một bản ký, đóng dấu không của Lưu Thị Châu (Hiệu trưởng) nên T bảo Tiền đưa cho H2 để làm giấy tờ giả mạo. H2, Tiền và T thống nhất sau khi vay được tiền, mỗi người sẽ được sử dụng 50.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày, Tiền về nhà mình lấy tờ giấy A4 trắng đã được ký, đóng dấu của Trường TH-THCS Yên Sơn rồi đem đến đưa cho H2. Sau đó H2 đưa cho P viết nội dung: "Hoàng Thị Hương, cư trú tại bản Sốp Sạng, xã Chiềng Pằn, huyện Yên Châu; đơn vị công tác: Trường tiểu học, trung học cơ sở Yên Sơn xin xác nhận để vay tiền của bà Ngô Thị G...". Trước các lần H2 nhờ P viết, làm giả giấy tờ liên quan, H2 đều hứa hẹn sẽ dùng một phần số tiền vay được trả cho khoản nợ trước đây H2 vay của P là 425.000.000 đồng.

Đối với Giấy ủy quyền, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được xác định: Đầu giờ chiều ngày 20/7/2020, H2 gọi điện cho T bảo T đưa Quàng Thị P đến xã Sập Vạt, huyện Yên Châu để đóng dấu xác nhận của UBND xã Sập Vạt (giả dấu xác nhận của UBND xã Chiềng Pằn) vào chữ ký mang tên "Trần T. Hà" và "Trần Thị Hà" trên Giấy ủy quyền và Hợp đồng

chuyển nhượng, Tiền đồng ý. Sau đó, Tiền và P mang theo một số văn bản chuyên môn cùng giấy tờ giả đến UBND xã Sập Vạt. Tại đây, P lợi dụng việc đóng dấu xác nhận vào các văn bản chuyên môn rồi tự ý đóng con dấu tròn của UBND xã Sập Vạt vào vị trí chữ ký mang tên "Trần T. Hà" dưới mục "XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN" và "Trần Thị Hà" dưới mục "Xác nhận của UBND xã" trên giấy tờ giả mạo. Quá trình đóng dấu, P sử dụng cạnh con dấu đóng thêm nhiều lần vào chữ "SẬP VẠT" để người khác khó nhận biết đó là hình dấu của xã nào. Đóng dấu xong, Tiền điều khiển xe máy chở P về nhà H2 ở Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu, P đưa giấy tờ giả cho H2 còn Tiền đi về nhà tại bản Phát, xã Chiềng Păn.

Khoảng 20 giờ ngày 20/7/2020, H2 và T đến nhà bà Ngô Thị G lấy tiền còn Tiền chờ tại nhà H2. Tại nhà bà G, H2 đưa Giấy xác nhận cho bà G xem và đề nghị bà G cho vay số tiền 150.000.000 đồng, H2 nói dối bà G mục đích vay tiền để nhờ xin chuyển công tác từ trường TH-THCS Yên Sơn đến trường Tú Nang cho gần nhà chồng. Do trước đó ngày 27/6/2020 Lữ Văn B (giả mạo Hoàng Văn X) vay số tiền 50.000.000 đồng, vào ngày 28/6/2020 Hoàng Thị T (giả mạo làm con gái của Hoàng Văn X) vay số tiền 200.000.000 đồng được thế chấp bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 391833 mang tên Hoàng Văn X nên bà G đề nghị lần này không viết giấy vay tiền mà gộp số tiền của 03 lần vay thành 400.000.000 đồng rồi yêu cầu T viết thêm nội dung "Giấy mua bán Hoàng Thị T đã được bố chuyển nhượng bìa đất cho tôi sử dụng bìa này để bán cho bà Ngô Thị G, TK4 TT Yên Châu 400.000.000 đồng" dưới mục bên A trong Hợp đồng chuyển nhượng do T cung cấp cho G khi vay số tiền 200.000.000 đồng ngày 28/6/2020 để gắn trách nhiệm của T với tất cả các khoản vay. Đồng thời bà G yêu cầu T và H2 ký tên xác nhận dưới chữ ký mang tên "Hoàng Văn X" với quan hệ là "Người thừa kế" trên Giấy biên nhận vay tiền giữa Lữ Văn B (giả mạo ông Hoàng Văn X) và G ngày 27/6/2020. Quá trình giao nhận tiền, vì không có đủ tiền mặt nên bà G đưa cho H2 số tiền 50.000.000 đồng và một số trang sức bằng vàng (gồm kiềng, vòng cổ, hoa tai...) tương đương giá trị 100.000.000 đồng. Sau khi ra khỏi nhà G, H2 đưa tiền, vàng cho T cầm rồi bảo T đưa cho P số tiền 30.000.000 đồng từ phần của H2 để H2 trả số tiền trước đó đã nợ P, T đồng ý. Sau đó H2 gọi điện thoại hẹn Tiền và P đến ngã tư thị trấn Yên Châu nhận tiền. Tiền đến trước nên T đưa 30.000.000 cho Tiền và bảo Tiền khi P đến thì đưa cho P số tiền trên còn T và H2 sẽ đi bán vàng. Sau đó H2 và T mang số vàng nhận của G đến bán cho Nguyễn Thị B, sinh năm 1973, trú tại: Tiểu khu 1, thị trấn Yên Châu (chủ cửa hàng vàng bạc) bán được số tiền 98.000.000 đồng. Tại ngã tư thị trấn Yên Châu, Tiền đưa cho P 30.000.000 đồng, P nhận tiền rồi đi về nhà, Tiền tới cửa hàng vàng bạc của Nguyễn Thị B gặp T và H2 rồi cùng nhau về nhà Tiền chia nhau số tiền còn lại, T và Tiền mỗi người nhận 49.000.000 đồng, H2 nhận 20.000.000 đồng chi tiêu cá nhân.

Ngày 22/7/2020, H2 gọi điện thoại thông báo cho T biết về việc đã được bà G cho vay thêm 10.000.000 đồng mục đích để T làm thủ tục sang tên, tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Yên Châu, H2 dặn T nếu Ngô Thị G hỏi thì cứ trả lời như vậy, T đồng ý.

Ngày 10/8/2020, H2 gọi điện thoại đến cho T nói nếu T cần tiền thì H2 nói cho bà G số tiền đã vay lần trước không đủ mà cần thêm 10.000.000 đồng nữa, T đồng ý rồi gửi số tài khoản của T qua mạng xã hội Zalo cho bà G, bà G chuyển khoản cho T số tiền 10.000.000 đồng, số tiền trên T chi tiêu cá nhân hết.

Cáo trạng số 16/CT-VKSYC, ngày 22/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu đã truy tố bị cáo Hoàng Thị T, Quàng Thị P, Hoàng Thị Tiên về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Lữ Văn B, Nguyễn Thanh H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2022/HS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 28/7/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Quàng Thị P phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Quàng Thị P 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 15/9/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó là 05 tháng, bị cáo còn phải chấp hành tiếp hình phạt tù là 37 (Ba mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lữ Văn B, về trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2022 bị cáo Quàng Thị P và bị cáo Hoàng Thị T kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 10/10/2022, bị cáo Nguyễn Thanh H kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo, bị cáo Hoàng Thị Q kháng cáo với nội dung không nhất trí về tội danh đã bị Tòa án sơ thẩm tuyên phạt.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 28/12/2022 các bị cáo Hoàng Thị T, Quàng Thị P có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, quan điểm về việc giải quyết vụ án: Các bị cáo Hoàng Thị T, Quàng Thị P đã xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Hoàng Thị T và Quàng Thị P.

Đối với các bị cáo Hoàng Thị Q, Nguyễn Thanh H, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai và mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Bị cáo Hoàng Thị Q đã đưa 02 tờ giấy A4 trắng có ký tên Lưu Thị Châu và dấu của Trường TH-THCS Yên Sơn cho Hoàng Thị H2 để H2 nhờ P viết giấy xác nhận giả, ngoài ra còn bàn bạc với Nguyễn Thanh H nhận làm chồng của Hoàng Thị T để thực hiện 02 lần chiếm đoạt của bà G số tiền 338.000.000 đồng. Bị cáo Hoàng Thị Q là đồng phạm vai trò giúp sức với số tiền được hưởng lợi từ tiền chiếm đoạt là 111.800.000 đồng. Đối với bị cáo Nguyễn Thanh H, bị cáo H đã đồng ý mạo danh là chồng của Hoàng Thị T, trực tiếp cùng T thực hiện 01 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà G số tiền 188.000.000 đồng nhưng không được hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt. Nguyễn Thanh H là đồng phạm với vai trò là người thực hành. Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã phân hóa chính xác vị trí, vai trò của các bị cáo trong

vụ án.

Đối với nội dung kháng cáo không nhất trí về việc các bị cáo được gặp nhau, bàn bạc tại nhà đối tượng H2. Trong quá trình điều tra, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội, không bị bức cung, nhục hình, xét thấy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo có gặp nhau tại nhà bà Hôm (nơi H2 ở) để bàn bạc, phân công thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với nội dung kháng cáo bị cáo Q không vay tiền của bị hại mà do T, P cho bị cáo vay lại tiền, tháng thứ 3 bị cáo trả cho T 4.000.000 đồng tiền lãi. Giữa các bị cáo không có giấy vay tiền, giấy biên nhận. Tại phiên tòa, các bị cáo T và P đều khẳng định không cho bị cáo Q vay tiền mà sau khi các bị cáo thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt được tiền của bị hại thì các bị cáo mới chia nhau, cùng nhau hưởng lợi. Do đó bị cáo Q khai được bị cáo T cho vay là không có căn cứ.

Đối với kháng cáo đề nghị xem xét hành vi bị cáo Nguyễn Thanh H giả làm chồng của Hoàng Thị T để vay tiền bà G là phạm tội do nể nang. Bị cáo H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình, không bị ai ép buộc. Mặc dù không được bàn bạc với T, Q, P từ đầu nhưng khi Q dẫn phải đóng giả làm chồng T thì mới vay được tiền, H đã đồng ý. Do đó, việc bị cáo H cho rằng phạm tội do nể nang là không có căn cứ.

Đối với nội dung kháng cáo của bị cáo H xin giảm nhẹ hình phạt. Trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng, nên cần áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không thành khẩn ăn năn hối cải khai nhận hành vi phạm tội, do vậy để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, cần giữ nguyên mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, tổng số tiền cấp sơ thẩm quy kết buộc các bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại là chưa chính xác. Tổng số tiền mà các bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại là 205.000.000 đồng. Đối với bị cáo Q và bị cáo H, tổng số tiền mà hai bị cáo phải chịu trách nhiệm là 111.800.000 đồng (lần 01 là 62.800.000 đồng, lần 02 là 49.000.000 đồng). Xét thấy cấp sơ thẩm chưa quy kết trách nhiệm bồi thường theo phân cụ thể đối với từng bị cáo, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa phần trách nhiệm như sau:

Lần thứ nhất là $62.800.000/2 = 31.400.000$ đồng và bị cáo phải chịu trách nhiệm liên đới phần bồi thường của bị cáo H2 là $37.960.000/2 = 18.980.000$ đồng.

Tổng số tiền bị cáo H phải bồi thường là $48.880.000đ - 1.500.000đ = 47.380.000$ đồng.

Tổng số tiền bị cáo Q phải bồi thường là $62.920.000đ - 1.500.000đ =$

61.420.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh H, Hoàng Thị Q, giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo; sửa bản án sơ thẩm số 59/2022/HS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu về trách nhiệm dân sự. Tổng số tiền các bị cáo Hoàng Thị Q, Nguyễn Thanh H phải chịu trách nhiệm là 111.800.000 đồng (bị cáo H là 48.880.000đ; bị cáo Q là 62.920.000đ). Các bị cáo đã bồi thường 3.000.000đ. Bị cáo H còn phải bồi thường tiếp 47.380.000đ, bị cáo Q còn phải bồi thường 61.420.000đ. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, án phí dân sự theo quy định.

Lời bào chữa của Luật sư Bùi Việt Anh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh H: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh H đã tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, có căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tích cực, chủ động, tự nguyện bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cho bị hại và đã được bị hại xác nhận, đồng thời bị hại cũng đã có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H, vì vậy có căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vai trò của bị cáo trong vụ án này là hết sức mờ nhạt, bản thân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do nể nang và không được hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của mình. Trong vụ án này, cả hai vợ chồng bị cáo đều bị đưa ra xét xử và vợ bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt 08 năm tù. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 42 tháng tù là quá nặng, không tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với bị cáo Hoàng Thị Q bồi thường đối với số tiền 62.800.000 đồng mà bị cáo Q được chia trong khoản vay 200.000.000 đồng của bà Ngô Thị G ngày 28/6/2020. Đối với các khoản vay khác của các bị cáo khác không liên quan gì đến bị cáo nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm bồi thường. Việc bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải liên đới cùng bị cáo Hoàng Thị Q bồi thường số tiền chiếm đoạt là 112.800.000 triệu đồng và liên đới chịu trách nhiệm theo phần số tiền mà Hoàng Thị H2 chiếm đoạt của bà G là 37.960.000 đồng, tổng cộng bị cáo và bị cáo Q phải bồi thường số tiền 150.760.000 đồng mà không quyết định rõ bị cáo Q phải bồi thường bao nhiêu, bị cáo H phải bồi thường bao nhiêu là hoàn toàn không chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thanh H, áp dụng các điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu theo hướng giảm hình phạt và giảm mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo Nguyễn Thanh H.

Các bị cáo Hoàng Thị Q, Nguyễn Thanh H đã nhận thức được hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại bà Ngô Thị G nhất trí với nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm. Xác nhận đã được bị cáo Q và bị cáo H bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo T, P, H và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Bị cáo Hoàng Thị Q cho rằng khi lấy lời khai đối với bị cáo, cán bộ lấy lời khai và Điều tra viên đã định hướng cho bị cáo để khai giống như lời khai của bị cáo T, tuy nhiên bị cáo không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T, P, H đều khẳng định lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra là hoàn toàn tự nguyện, không bị mớm cung hay cưỡng ép. Lời khai của các bị cáo đều phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở khẳng định:

Để có tiền tiêu dùng cá nhân, bị cáo Lữ Văn B đã có hành vi gian dối, sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn X và giả mạo mình là Hoàng Văn X để mang đi cầm cố nhằm chiếm đoạt của bà Ngô Thị G số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi biết được sự việc trên, các bị cáo T, H2, Q, P đã nảy sinh ý định vay tiền của bà G, cùng nhau bàn bạc, chuẩn bị các tài liệu giả mạo gồm: Giấy ủy quyền, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Hoàng Văn X với Hoàng Thị T, Giấy xác nhận đơn vị công tác của T và Hương theo yêu cầu của bà G. Đến chiều ngày 28/6/2020, T và H (giả mạo làm chồng của T) mang các giấy tờ giả mạo đến nhà G vay số tiền 188.000.000 đồng sau đó về chia nhau tiêu dùng cá nhân. Đến giữa tháng 7/2020, T và H2 cũng đưa ra thông tin gian dối, T giới thiệu H2 tên là Hoàng Thị Hương là em gái của T và là con gái ông X để thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Văn X vay số tiền 150.000.000 đồng về chia nhau. Ngoài ra, T và H2 còn đưa ra thông tin gian dối là đang làm thủ tục sang tên, tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lừa đảo chiếm đoạt của bà G 02 lần với số tiền 20.000.000 đồng; Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tòa án sơ thẩm buộc các bị cáo phải bồi thường

cho người bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc tính toán trách nhiệm bồi thường tại cấp sơ thẩm có phần sai sót và tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết mới, cần sửa lại phần bồi thường trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo như sau:

- Bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường số tiền chiếm đoạt là 121.600.000 đồng và liên đới chịu trách nhiệm theo phần số tiền Hoàng Thị H2 chiếm đoạt của bà G là 32.330.000 đồng. Ngoài ra bị cáo còn có nghĩa vụ trả nợ số tiền 8.000.000 đồng cho bà Ngô Thị G mà bị cáo đã vay theo giao dịch dân sự. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường, trả nợ số tiền 161.930.000 đồng. Bị cáo được trừ số tiền đã bồi thường cho bà G là 130.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 31.930.000 đồng.

- Bị cáo Quàng Thị P phải bồi thường số tiền chiếm đoạt là 30.000.000 đồng do H2 chuyển trả và liên đới chịu trách nhiệm theo phần số tiền Hoàng Thị H2 chiếm đoạt của bà G là 22.310.000 đồng. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường số tiền 52.310.000 đồng. Bị cáo được trừ số tiền đã bồi thường cho bà G là 30.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 22.310.000 đồng.

- Các bị cáo Hoàng Thị Q, Nguyễn Thanh H phải liên đới bồi thường số tiền chiếm đoạt là 62.800.000 đồng và liên đới chịu trách nhiệm theo phần số tiền Hoàng Thị H2 chiếm đoạt của bà G là 37.960.000 đồng. Ngoài ra bị cáo Hoàng Thị Q phải bồi thường số tiền 49.000.000 đồng chiếm đoạt lần thứ hai của bà G, cụ thể như sau:

Bị cáo Hoàng Thị Q phải bồi thường số tiền là: $62.800.000\text{đ}/2 + 49.000.000\text{đ} + 37.960.000\text{đ}/2 = 99.380.000$ đồng.

Bị cáo Nguyễn Thanh H phải bồi thường số tiền là: $62.800.000\text{đ}/2 + 37.960.000\text{đ}/2 = 50.380.000$ đồng.

Tổng cộng các bị cáo Q, H phải bồi thường số tiền 149.760.000 đồng. Sau khi được khấu trừ số tiền đã thực hiện bồi thường cho bà G 3.000.000 đồng, bị cáo Q còn phải bồi thường cho bà G số tiền là 97.880.000 đồng, bị cáo H còn phải bồi thường cho bà G số tiền là 48.880.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo phải thực hiện bồi thường cho bị hại bà Ngô Thị G là 201.000.000 đồng.

[4] Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 26 và 27/12/2022, các bị cáo Hoàng Thị T và Quàng Thị P đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo với nội dung thừa nhận hành vi phạm tội, không oan sai và tự nhận thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp. Xét thấy việc rút kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, cần chấp nhận yêu cầu rút kháng cáo và đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Hoàng Thị T và Quàng Thị P.

[5] Xét kháng cáo về tội danh của bị cáo Hoàng Thị Q:

Bị cáo Hoàng Thị Q không thừa nhận tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên

phạt đối với bị cáo, bị cáo cho rằng không được gặp T, H2 tại nhà bà Hôm để bàn bạc làm giấy tờ giả và cho rằng quá trình điều tra, việc lấy lời khai, hỏi cung bị cáo của cơ quan điều tra là không khách quan. Tuy nhiên, các bị cáo T, P đều khai rằng việc phân công nhiệm vụ, chuẩn bị giấy tờ giả diễn ra ở nhà Quảng Thị P tại Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu và đều có T, H2, Q, P cùng tham gia. Khi tiến hành lấy lời khai, các bị cáo đều được tách riêng, không biết các bị cáo khác khai những nội dung gì và lời khai của các bị cáo đều phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm các bị cáo bàn bạc, phân chia nhiệm vụ nhằm giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Tại các biên bản hỏi cung bị cáo đều có sự có mặt của Kiểm sát viên tham gia lấy lời khai, bị cáo đều đã được đọc lại biên bản và ký xác nhận, không có ý kiến khiếu nại và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là phù hợp với nội dung vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo về tội danh của bị cáo, cần giữ nguyên tội danh và mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo Hoàng Thị Q.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H xin được hưởng án treo và xin được cải tạo tại địa phương, tại phiên tòa phúc thẩm bị thay đổi nội dung kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là đồng phạm giúp sức cho đồng phạm khác trong việc có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, tuy nhiên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo, tham gia với vai trò thứ yếu.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có bố vợ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang, Tòa án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do đó mức hình phạt 42 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tích cực bồi thường cho bị hại để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết mới phát sinh, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, nhận định trên cần chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh H, cần sửa mức hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về án phí:

Các bị cáo Hoàng Thị T, Quảng Thị P, Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo; kháng cáo của bị cáo

Nguyễn Thanh H được chấp nhận.

Bị cáo Hoàng Thị Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Do bản án hình sự sơ thẩm bị sửa về phần trách nhiệm dân sự, cần sửa lại phần án phí dân sự theo quy định.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 342; Điều 348; các điểm a, b, đ khoản 1 Điều 355; Điều 356; các điểm c, d Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Hoàng Thị T và Quàng Thị P;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị Q; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 59/2022/HS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La như sau:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị T, Quàng Thị P, Hoàng Thị Q, Nguyễn Thanh H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 28/7/2021.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Q 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Quàng Thị P 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 15/9/2021.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 36 (ba mươi sáu) tháng tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/8/2021 đến ngày 08/01/2022. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 288, 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo Hoàng Thị T, Hoàng Thị Q, Quàng Thị P, Nguyễn Thanh H phải liên đới bồi thường cho bà Ngô Thị G số tiền 201.000.000 đồng (*Hai trăm linh một triệu đồng*), cụ thể như sau:

- Bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường số tiền chiếm đoạt là 161.930.000 đồng (*Một trăm sáu mươi một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền đã bồi thường cho bà G là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*), bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 31.930.000 đồng (*Ba mươi một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*).

- Bị cáo Quàng Thị P phải bồi thường số tiền chiếm đoạt là 52.310.000 đồng (*Năm mươi hai triệu ba trăm mười nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền đã bồi thường cho bà G là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 22.310.000 đồng (*Hai mươi hai triệu ba trăm mười nghìn đồng*).

- Bị cáo Hoàng Thị Q phải bồi thường số tiền chiếm đoạt là 97.880.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng*).

- Bị cáo Nguyễn Thanh H phải bồi thường số tiền chiếm đoạt là 48.880.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, d khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Các bị cáo Hoàng Thị T, Quàng Thị P, Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Hoàng Thị Q phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm và 4.894.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm chín mươi tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Hoàng Thị T phải chịu 1.596.500 đồng (*Một triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Quàng Thị P phải chịu 1.115.500 đồng (*Một triệu một trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu 2.444.000 đồng (Hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 16/02/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- Phòng KTNV&THA;
- Các bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Văn Tuyên